

Số: 79/BC-TH&THCSTA

Thanh An, ngày 25 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Tiểu học và THCS Thanh An báo cáo thường niên năm 2025 về công tác công khai trong hoạt động như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có)

- Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thanh An.

2. Địa chỉ

- Bản Lọng Quân, xã Thanh An, tỉnh Điện Biên.

- Website: <https://thcssammun.huyendienbien.edu.vn>

3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ

- Loại hình: Công lập.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Thanh An, tỉnh Điện Biên.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường nề nếp, kỷ cương, xây dựng môi trường học tập thân thiện, học sinh được phát huy năng lực để phát triển tài năng của mình. Nhà giáo tích cực đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá, có chất lượng giáo dục cao; phát huy tính sáng tạo, khả năng thích ứng và năng lực tự duy của mỗi học sinh.

Cung cấp cho xã hội những học sinh có kiến thức sâu sắc, có tâm hồn trong sáng, có thể lực mạnh khỏe để tiếp tục học lên bậc học cao hơn hoặc đi vào lao động sản xuất, giúp các em trở thành các công dân tử tế và trung thành của đất nước.

Nhà trường có môi trường sư phạm dân chủ, thân thiện, ưu tiên nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường, tạo niềm tin cho nhân dân trên địa bàn xã, phần đầu có số lượng học sinh TN THCS thi đỗ vào các trường THPT chất lượng cao của tỉnh ngày càng tăng; định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực của từng học sinh.

4.2. Tầm nhìn

Là một trong những trường hàng đầu của tỉnh về chất lượng dạy và học; là sự lựa chọn ưu tiên của phụ huynh và học sinh có khát vọng vươn tới mạnh mẽ; là cộng đồng những người biết học tập suốt đời và được trang bị tốt cho tương lai.

Giai đoạn 2020-2025: Giáo dục học sinh có động cơ, thái độ học tập đúng đắn, có tinh thần trách nhiệm, tự trọng, có năng lực tư duy độc lập, phần đầu học tập suốt đời.

Giai đoạn 2025-2030: Là nơi đáng tin cậy về chất lượng giáo dục - Nơi ươm mầm những ước mơ làm chủ tương lai, luôn khát vọng học tập suốt đời, biết tư duy và sáng tạo, thích ứng với thời đại mới để sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Trở thành ngôi trường tiêu biểu của tỉnh Điện Biên về chất lượng giáo dục toàn diện. Là nơi phụ huynh tin tưởng gửi gắm con em; nơi thầy cô giáo không ngừng sáng tạo, cống hiến và là môi trường để học sinh phát triển năng lực cá nhân một cách trọn vẹn theo tinh thần đổi mới của Chương trình GDPT 2018.

4.3. Mục tiêu

* Về chất lượng giáo dục: Duy trì và nâng cao tỷ lệ học sinh khá, giỏi. Đặc biệt chú trọng chất lượng thi vào lớp 10 THPT và bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp (đặc biệt là môn Lịch sử và Địa lí; Tiếng Anh - thế mạnh của nhà trường).

Đạo đức: 100% học sinh xếp loại hạnh kiểm/rèn luyện từ Đạt trở lên. Không có tệ nạn xã hội xâm nhập học đường.

* Về đội ngũ cán bộ, giáo viên: Xây dựng đội ngũ nhà giáo có phẩm chất chính trị vững vàng (phát huy vai trò của Chi bộ Đảng). 100% giáo viên đạt chuẩn đào tạo, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và phương pháp dạy học hiện đại theo bộ sách Kết nối tri thức.

* Về cơ sở vật chất và chuyển đổi số: Tăng cường đầu tư trang thiết bị dạy học hiện đại, thư viện đạt chuẩn để phục vụ việc tra cứu và tự học. Ứng dụng triệt để hệ thống quản lý số trong điều hành và giảng dạy.

* Về công tác quản trị và cộng đồng: Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, kết hợp chặt chẽ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội. Xây dựng văn hóa học đường chuyên nghiệp, minh bạch và dân chủ.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học và THCS Thanh An, xã Thanh An, tỉnh Điện Biên được thành lập theo Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của UBND xã Thanh An. Tiền thân nhà trường là Trường Tiểu học và THCS xã Sam Mứn. Đến nay, nhà trường đang từng bước xây dựng và phát triển, chất lượng 2 mặt giáo dục luôn được duy trì và nâng cao. Cùng với việc nâng cao chất lượng dạy và học, các tổ chức đoàn thể của nhà trường ngày càng vững mạnh, toàn diện.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật: ông Bùi Tiến Phong.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Bản Lọng Quân, xã Thanh An, tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 09.7292.7292

Email: buitienphong.muongnha@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):

Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của UBND xã Thanh An về việc thành lập Trường Tiểu học và THCS Thanh An.

7.2. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Hiệu trưởng: Bùi Tiến Phong.

+ Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của UBND huyện Điện Biên về việc phân công công tác và bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Phó hiệu trưởng: Khoàng Thị Vươn

+ Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND xã Thanh An về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

- Phó hiệu trưởng: Bùi Văn Chương

+ Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 06/3/2025 của UBND huyện Điện Biên về việc phân công công tác và bổ nhiệm viên chức quản lý.

7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

7.3.1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Tiểu học và THCS Thanh An

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện

kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

7.3.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

3. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quy định; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường học. Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông

5. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục và xóa mù chữ trong phạm vi được phân công. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các

hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

6. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

7. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh theo quy định của pháp luật. Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

8. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

9. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

13. Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

14. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

7.3.3. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Hiệu trưởng:

Họ và tên: Bùi Tiến Phong

Số điện thoại: 097.292.7292

Địa chỉ thư điện tử: buitienphong.muongnha@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học và THCS Thanh An, xã Thanh An

Nhiệm vụ: Thực hiện theo Quy chế làm việc của năm học

Phó Hiệu trưởng:

Họ và tên: Khoàng Thị Vươn

Số điện thoại: 091.518.4840

Địa chỉ thư điện tử: khoangvuon.com@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học và THCS Thanh An, xã Thanh An

Nhiệm vụ: Thực hiện theo Quy chế làm việc của năm học

Phó Hiệu trưởng:

Họ và tên: Bùi Văn Chương

Số điện thoại: 077.422.4299

Địa chỉ thư điện tử: chuong.bivan262@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học và THCS Thanh An, xã Thanh An,

Nhiệm vụ: Thực hiện theo Quy chế làm việc của năm học.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Kế hoạch chiến lược của nhà trường.
- Các quyết định nhân sự.
- Quy chế dân chủ ở cơ sở.
- Các nghị quyết của hội đồng trường;
- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;
- Quy chế chuyên môn
- Quy chế văn hóa ứng xử.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, CBQL, nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

STT	Vị trí việc làm	Tổng số	Nữ	DT	Trình độ				
					Thạc sĩ	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
I	Vị trí lãnh đạo quản lý	3	1	1	2	1	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1			1	0	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	1	1	1	1	0	0	0
II	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên ngành								
1	Giáo viên trung học cơ sở hạng I	1			1				
2	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	9	5	2		9			
3	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	2	2	2		2			
	Giáo viên tiểu học								

	hạng I								
	Giáo viên tiểu học hạng II	5	5	3	1	5			
	Giáo viên tiểu học hạng III	8	7	3		8			
4	Thiết bị, thí nghiệm viên chức A0								
5	Giáo vụ viên chức A0								
6	Tư vấn tâm lý học đường hạng III								
7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật viên chức A0								
III	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung								
1	Thư viện hạng III								
2	Quản trị công sở								
3	Kế toán hạng III	1	1			1			
4	Văn thư viên trung cấp hạng III								
5	Thủ quỹ								
6	Y sỹ hạng IV	1	1					1	
IV	VTVL hỗ trợ, phục vụ								
1	Nhân viên Bảo vệ trường học (hợp đồng)	1	1	1					
2	Nhân viên Phục vụ (hợp đồng)								
Cộng:									

2. Số lượng, tỉ lệ GV, CBQL đạt chuẩn nghề nghiệp và hoàn thành BDTX

Vị trí	Số lượng	Xếp loại chuẩn nghề nghiệp			Hoàn thành BDTX
		Tốt	Khá	Đạt	
Hiệu trưởng	1	1 = 100%	0	0	1
Phó HT	2	2 = 100%	0	0	3
Giáo viên	22	18 = 81,8%	4 = 18,2%	0	22 = 100%
Nhân viên	2				2 = 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích đất:

- Tổng diện tích toàn trường: 5.589 m².

- Diện tích bình quân/HS: $5589/356 = 15,7$ m²/HS. Đối sánh với yêu cầu tối thiểu là 10 m²/HS, nhà trường đang dư 5,7 m²/HS.

2. Số lượng, hạng mục các phòng

STT	Khối phòng	Loại phòng	Tối thiểu	Đã có	Còn thiếu	Ghi chú
1	Khối phòng Hành chính quản trị	Phòng Hiệu trưởng	1	1	0	
2		Phòng Phó HT	1	1	0	
3		Văn phòng	1	1	0	
4		Phòng bảo vệ	1	1	0	
5		Khu vệ sinh CBGV	1	1	0	
6		Khu để xe CBGV	1	0	1	
7	Khối phòng học tập	Phòng học	13	13	0	
8		Phòng bộ môn	7	1	6	
9		Phòng đa chức năng	1	0	1	
10	Khối phòng hỗ trợ học tập	Thư viện	1	0	1	
11		Thiết bị GD	1	1	0	
12		Phòng truyền thống	1	0	1	
13		Tư vấn học đường	1	0	1	
14		Phòng Đoàn Đội	1	0	1	
15	Khối phụ trợ	Phòng họp	1	0	1	
16		Phòng Tổ chuyên môn	3	1	2	
17		Phòng Y tế	1	0	1	
18		Nhà kho	1	0	1	
19		Khu để xe HS	2	1	1	
20		Khu vệ sinh HS	2	0	2	
21		Cổng	1	0	1	
22		Hàng rào (m)	1	0	1	150m
Cộng			44	22	22	

3. Số thiết bị dạy học hiện có

Cấp học	Số bộ thiết bị hiện có	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu tối thiểu	Số bộ thiết bị bổ sung
Tiểu học			

<i>TBDH tối thiểu môn Tiếng Việt</i>	52	100%	-
<i>TBDH tối thiểu môn Toán</i>	384	59,3%	264
<i>TBDH tối thiểu môn Ngoại ngữ</i>			
<i>TBDH tối thiểu môn Đạo đức</i>	126	54,5%	105
<i>TBDH tối thiểu môn Tự nhiên và Xã hội</i>	129	56,8%	98
<i>TBDH tối thiểu môn Lịch sử và Địa lí</i>	55	72,4%	21
<i>TBDH tối thiểu môn Khoa học</i>	52	48,1%	56
<i>TBDH tối thiểu môn Tin học</i>			
<i>TBDH tối thiểu môn Công nghệ</i>	8	15,7%	43
<i>TBDH tối thiểu môn Giáo dục thể chất</i>	354	79,6%	91
<i>TBDH tối thiểu môn môn Nghệ thuật</i>	395	81,6%	89
<i>TBDH tối thiểu Hoạt động trải nghiệm</i>	52	32,3%	109
<i>Thiết bị dùng chung</i>	137	73,7%	49
<i>Máy tính</i>			
<i>Bàn ghế</i>			
Trung học cơ sở			
<i>TBDH tối thiểu môn Ngữ văn</i>	14	60,9%	9
<i>TBDH tối thiểu môn Toán</i>	6	60,0%	4
<i>TBDH tối thiểu môn Ngoại ngữ</i>	13	55,5%	5
<i>TBDH tối thiểu môn Giáo dục công dân</i>	17	72,2%	6
<i>TBDH tối thiểu môn Lịch sử và Địa lí</i>	45	78,9%	12
<i>TBDH tối thiểu môn Khoa học tự nhiên</i>	92	76,7%	28
<i>TBDH tối thiểu môn Công nghệ</i>	28	73,7%	10
<i>TBDH tối thiểu môn Tin học</i>	9	56,3%	7
<i>TBDH tối thiểu môn Giáo dục thể chất</i>	11	64,7%	6
<i>TBDH tối thiểu môn môn Nghệ thuật</i>	12	70,6%	5
<i>TBDH tối thiểu Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp</i>	10	66,7%	5
<i>Thiết bị dùng chung</i>	1	33,3%	2
<i>Máy tính</i>	27	84,4%	5
<i>Bàn ghế</i>	80		50

4. Sách giáo khoa, sách tham khảo

- Danh mục sách giáo khoa lớp 6 sử dụng tại trường Tiểu học và THCS Thanh An từ năm học 2021- 2022 thực hiện theo Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Danh mục lựa chọn sách giáo khoa lớp 6 của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Danh mục sách giáo khoa lớp 7 sử dụng tại trường Tiểu học và THCS Thanh An từ năm học 2022- 2023 thực hiện theo Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Danh mục lựa chọn sách giáo khoa lớp 7 của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Danh mục sách giáo khoa lớp 8 sử dụng tại trường Tiểu học và THCS Thanh An từ năm học 2023- 2024 thực hiện theo Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Danh mục lựa chọn sách giáo khoa lớp 8 của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Danh mục sách giáo khoa lớp 9 sử dụng tại trường Tiểu học và THCS Thanh An từ năm học 2024- 2025 thực hiện theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Danh mục lựa chọn sách giáo khoa lớp 9 của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

Trường Tiểu học và THCS Thanh An đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường Tiểu học và THCS Thanh An đã tự đánh giá chất lượng giáo dục để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí Sở GDĐT; đồng thời thấy được

ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường Tiểu học và THCS Thanh An đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm các thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, BGH, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Cam kết chất lượng giáo dục của Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thanh An, năm học 2025 – 2026

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo quy định của Sở GD&ĐT	Theo quy định của Sở GD&ĐT	Theo quy định của Sở GD&ĐT	Theo quy định của Sở GD&ĐT
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD

	giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 95%trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 95%trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ TB trở lên. - Học tập đánh giá từ TB trở lên. - Sức khỏe đạt 95%trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ TB trở lên. - Học tập đánh giá từ TB trở lên. - Sức khỏe đạt 95%trở lên.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học đủ 4 năm bậc THCS	Học đủ 3 năm bậc THCS	Học đủ 2 năm bậc THCS	Hoàn thành chương trình bậc THCS, TN.THCS và vào lớp 10 THPT hệ công lập

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thanh An năm học 2024 – 2025

* Đối với cấp Tiểu học

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐ G	Lớp 1 Tổng số HS có KQĐ G	Lớp 2 Tổng số HS có KQĐ G	Lớp 3 Tổng số HS có KQĐ G	Lớp 4 Tổng số HS có KQĐ G	Lớp 5 Tổng số HS có KQĐ G
<i>1. Kết quả học tập</i>							
<i>1. Tiếng Việt</i>	19 3	193	35	48	44	29	37
Hoàn thành tốt		151	28	40	30	25	28
Hoàn thành		41	7	7	14	4	9
Chưa hoàn thành		1		1			
<i>2. Toán</i>	19 3	193	35	48	44	29	37
Hoàn thành tốt		148	27	36	34	23	28
Hoàn thành		44	8	11	10	6	9
Chưa hoàn thành		1		1			
<i>3. Đạo đức</i>	19 3	193	35	48	44	29	37
Hoàn thành tốt		154	27	38	33	23	33
Hoàn thành		39	8	10	11	6	4

Chưa hoàn thành							
4. Tự nhiên và Xã hội	12 7	127	35	48	44		
Hoàn thành tốt		94	27	36	31		
Hoàn thành		33	8	12	13		
Chưa hoàn thành							
5. Khoa học	66	66				29	37
Hoàn thành tốt		53				27	26
Hoàn thành		13				2	11
Chưa hoàn thành							
6. LS&DL	66	66				29	37
Hoàn thành tốt		54				23	31
Hoàn thành		12				6	6
Chưa hoàn thành							
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	19 3	193	35	48	44	29	37
Hoàn thành tốt		145	27	35	32	21	30
Hoàn thành		48	8	13	12	8	7
Chưa hoàn thành							
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	19 3	193	35	48	44	29	37
Hoàn thành tốt		143	26	36	34	20	27
Hoàn thành		50	9	12	10	9	10
Chưa hoàn thành							
9. Hoạt động trải nghiệm	19 3	193	35	48	44	29	37
Hoàn thành tốt		148	27	37	31	21	32
Hoàn thành		45	8	11	13	8	5
Chưa hoàn thành							
10. Giáo dục thể chất	19 3	193	35	48	44	29	37
Hoàn thành tốt		145	27	37	32	21	28
Hoàn thành		48	8	11	12	8	9
Chưa hoàn thành							
11. TH-CN (Công nghệ)	11 0	110			44	29	37
Hoàn thành tốt		85			31	24	30
Hoàn thành		25			13	5	7
Chưa hoàn thành							
12. TH-CN (Tin học)	19 3	110			44	29	37
Hoàn thành tốt		88			35	22	31
Hoàn thành		22			9	7	6
Chưa hoàn thành							
13. Ngoại ngữ	19	193	35	48	44	29	37

	3						
Hoàn thành tốt		140	26	35	32	21	26
Hoàn thành		52	9	12	12	8	11
Chưa hoàn thành		1		1			
14. Tiếng dân tộc	19 3						
Hoàn thành tốt							
Hoàn thành							
Chưa hoàn thành							
II. Năng lực cốt lõi							
Năng lực chung							
Tự chủ và tự học	19 3	193	35	48	44	29	37
Tốt		134	27	36	31	18	22
Đạt		58	8	11	13	11	15
Cần cố gắng		1		1			
Giao tiếp và hợp tác	19 3	193	35	48	44	29	37
Tốt		143	27	35	32	21	28
Đạt		50	8	13	12	8	9
Cần cố gắng							
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	19 3	193	35	48	44	29	37
Tốt		138	26	35	31	19	27
Đạt		54	9	12	13	10	10
Cần cố gắng		1		1			
Năng lực đặc thù							
Ngôn ngữ	19 3	193	35	48	44	29	37
Tốt		146	26	35	32	25	28
Đạt		46	9	12	12	4	9
Cần cố gắng		1		1			
Tính toán	19 3	193	35	48	44	29	37
Tốt		149	27	36	35	23	28
Đạt		43	8	11	9	6	9
Cần cố gắng		1		1			
Tin học	11 0	110			44	29	37
Tốt		89			34	24	31
Đạt		21			10	5	6
Cần cố gắng							
Công nghệ	11 0	110			44	29	37
Tốt		85			33	22	30

Đạt		25			11	7	7
Cần cố gắng							
Khoa học	19 3	193	35	48	44	29	37
Tốt		149	27	37	31	27	27
Đạt		44	8	11	13	2	10
Cần cố gắng							
Thẩm mĩ	19 3	193	35	48	44	29	37
Tốt		144	26	36	35	20	27
Đạt		49	9	12	9	9	10
Cần cố gắng							
Thể chất	19 3	193	35	48	44	29	37
Tốt		148	27	37	35	21	28
Đạt		45	8	11	9	8	9
Cần cố gắng							
III. Phẩm chất chủ yếu							
Yêu nước	19 3	193	35	48	44	29	37
Tốt		193	35	48	44	29	37
Đạt							
Cần cố gắng							
Nhân ái	19 3	193	35	48	44	29	37
Tốt		164	31	40	40	25	28
Đạt		29	4	8	4	4	9
Cần cố gắng							
Chăm chỉ	19 3	193	35	48	44	29	37
Tốt		138	27	37	34	18	22
Đạt		55	8	11	10	11	15
Cần cố gắng							
Trung thực	19 3	193	35	48	44	29	37
Tốt		149	31	41	32	20	25
Đạt		44	4	7	12	9	12
Cần cố gắng							
Trách nhiệm	19 3	193	35	48	44	29	37
Tốt		142	27	38	31	19	27
Đạt		51	8	10	13	10	10
Cần cố gắng							
IV. Đánh giá KQGD	19 3	193	35	48	44	29	37
- Hoàn thành xuất		50	13	13	9	6	9

- Hoàn thành tốt		77	13	22	18	11	13
- Hoàn thành		65	9	12	17	12	15
- Chưa hoàn thành		1		1			
V. Khen thưởng		110	17	20	26	22	25
- Giấy khen cấp trường		79	17	20	14	14	14
- Giấy khen cấp trên		31			12	8	11
VI. HSDT được trợ giảng							
VII. HS.K.Tật		4	3		1		
VIII. HS bỏ học kỳ II							
+ Hoàn cảnh GĐKK							
+ KK trong học tập							
+ Xa trường, đi lại K.khẩn							
+ Thiên tai, dịch bệnh							
+ Nguyên nhân khác							
IX. Chương trình lớp học	19 3	193	35	48	44	29	37
Hoàn thành	19 2	192	35	47	44	29	37
Chưa hoàn thành	1	1		1			

*** Đối với cấp Trung học cơ sở**

Môn học	Tổng số	Chia ra			
		Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
Tổng số học sinh khối 6,7,8	164	43	48	39	34
1. Kết quả học tập của học sinh	164	43	48	39	34
Chia ra: - Tốt:	18	4	6	4	4
+ Nữ	17	4	6	3	4
+ Dân tộc	16	4	5	4	3
+ Nữ dân tộc	15	4	5	3	3
+ Bán trú theo NĐ 116/NĐ-CP	0				
- Khá:	74	19	20	19	16
+ Nữ	44	14	11	12	7
+ Dân tộc	60	19	15	13	13
+ Nữ dân tộc	39	14	10	8	7
+ Bán trú theo NĐ 116/NĐ-CP	0				
- Đạt:	72	20	22	16	14
+ Nữ	13	5	4	1	3
+ Dân tộc	66	20	19	14	13
+ Nữ dân tộc	13	5	4	1	3
+ Bán trú theo NĐ 116/NĐ-CP	0				
- Chưa đạt:	0				
+ Nữ	0				
+ Dân tộc	0				
+ Nữ dân tộc	0				
+ Bán trú theo NĐ 116/NĐ-CP	0				
2. Kết quả rèn luyện của học sinh	164	43	48	39	34
Chia ra: - Tốt:	130	39	36	26	29

Trong TS: Nữ	70	22	19	15	14
Dân tộc	113	39	29	20	25
Nữ dân tộc	63	22	17	11	13
Bán trú theo NĐ 116/NĐ-CP	0				
- Khá:	30	4	13	8	5
Trong TS: Nữ	4	1	2	1	0
Dân tộc	24	4	10	6	4
Nữ dân tộc	4	1	2	1	0
Bán trú theo NĐ 116/NĐ-CP	0				
- Đạt:	5			5	
Trong TS: Nữ	0			0	
Dân tộc	5			5	
Nữ dân tộc	0			0	
Bán trú theo NĐ 116/NĐ-CP	0				
- Chưa đạt:	0				
Trong TS: Nữ	0				
Dân tộc	0				
Nữ dân tộc	0				
Bán trú theo NĐ 116/NĐ-CP	0				
3. Số học sinh không xếp loại	0				
+ Nữ	0				
+ Dân tộc	0				
+ Nữ dân tộc	0				
+ Bán trú theo NĐ 116/NĐ-CP	0				
4. Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	0				
- Cấp quận/huyện	18	6	5	5	2
- Cấp tỉnh/thành phố	0				
- Cấp Quốc gia	0				

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Các khoản thu phân theo:

- Nguồn kinh Phí:

+ Ngân sách nhà nước	: 8.026.223.905
+ Học phí	: 32.200.000
+Thu khác	: 338.268.000

- Loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác): Không

1.2. Các khoản chi phân theo:

- Chi tiền lương và thu nhập	: 6.431.537.985
------------------------------	-----------------

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ : 418.840.027
- Chi hỗ trợ người học :
- Chi khác : 101.000.000

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

- Các khoản thu trong năm học 2024 - 2025: Học phí: 25.000 đồng/học sinh/tháng.

B. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Hình thức

Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyên biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ đầu tháng 8/2024.

Riêng dự toán thu chi tài chính 2024 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách của UBND xã Thanh An.

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2025) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: Phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo đến phụ huynh học sinh trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: Tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Thông báo (niêm yết);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG**Bùi Tiên Phong**